Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 3004.50.10

Mã HS	3004.50.10
Mô tả hàng hóa	Thuốc (trừ các mặt hàng thuộc nhóm 30.02, 30.05 hoặc 30.06) gồm các sản phẩm đã hoặc chưa pha trộn dùng cho phòng bệnh hoặc chữa bệnh, đã được đóng gói theo liều lượng (kể cả các sản phẩm thuộc loại dùng để hấp thụ qua da) hoặc làm thành dạng nhất định hoặc đóng gói để bán lẻ / - Loại khác, chứa các vitamin hoặc các sản phẩm khác của nhóm 29.36: / - - Loại phù hợp cho trẻ em, dạng xirô
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	11/11/2026 18:31:21
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/30045010/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K4610
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N4610
Thuế GTGT (VAT)	5/8/10	5 / 8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q4610
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E4532
ATIGA	2022	2022	0	AT!E4493
ATIGA	2023	2023	0	AT!F4493
ATIGA	2024	2024	0	AT!G4493
ATIGA	2025	2025	0	AT!H4493
ATIGA	2026	2026	0	AT!I4493
ATIGA	2027	2027	0	AT!J4493
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E4531
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F4531
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G4531
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H4531

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I4531
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J4531
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E4535
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F4535
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G4535
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H4535
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I4535
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J4535
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F4535
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H4499
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F4495
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G4495
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H4495
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I4495
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J4495
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K4495
VKFTA	2022	2022	0	VK!E4495
VKFTA	2023	2023	0	VK!F4495
VKFTA	2024	2024	0	VK!G4495
VKFTA	2025	2025	0	VK!H4495
VKFTA	2026	2026	0	VK!I4495
VKFTA	2027	2027	0	VK!J4495
VCFTA	2022	2022	0	VC!D4542
VCFTA	2023	2023	0	VC!E4542
VCFTA	2024	2024	0	VC!F4542
VCFTA	2025	2025	0	VC!G4542

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H4542
VCFTA	2027	2027	0	VC!I4542
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D4539
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E4539
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F4539
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G4539
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H4539
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I4539
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D4547
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E4547
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F4547
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G4547
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H4547
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I4547
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D4518
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E4518
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F4518
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G4518
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H4518
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I4518
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D4520
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E4520
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F4520
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G4520
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H4520
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I4520

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D4518
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E4518
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F4518
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G4518
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H4518
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I4518
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J4518
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D4539
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E4539
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F4539
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G4539
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H4539
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I4539
RCEP B	2022	2022	0	B!D4539
RCEP B	2023	2023	0	B!E4539
RCEP B	2024	2024	0	B!F4539
RCEP B	2025	2025	0	B!G4539
RCEP B	2026	2026	0	B!H4539
RCEP B	2027	2027	0	B!I4539
RCEP C	2022	2022	0	C!D4539
RCEP C	2023	2023	0	C!E4539
RCEP C	2024	2024	0	C!F4539
RCEP C	2025	2025	0	C!G4539
RCEP C	2026	2026	0	C!H4539
RCEP C	2027	2027	0	C!I4539
RCEP D	2022	2022	0	D!D4539

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2023	2023	0	D!E4539
RCEP D	2024	2024	0	D!F4539
RCEP D	2025	2025	0	D!G4539
RCEP D	2026	2026	0	D!H4539
RCEP D	2027	2027	0	D!I4539
RCEP E	2022	2022	0	E!D4542
RCEP E	2023	2023	0	E!E4542
RCEP E	2024	2024	0	E!F4542
RCEP E	2025	2025	0	E!G4542
RCEP E	2026	2026	0	E!H4542
RCEP E	2027	2027	0	E!I4542
RCEP F	2022	2022	0	F!D4539
RCEP F	2023	2023	0	F!E4539
RCEP F	2024	2024	0	F!F4539
RCEP F	2025	2025	0	F!G4539
RCEP F	2026	2026	0	F!H4539
RCEP F	2027	2027	0	F!I4539
VIFTA	2024	2024	0	VI!F4181
VIFTA	2025	2025	0	VI!G4181
VIFTA	2026	2026	0	VI!H4181
VIFTA	2027	2027	0	VI!I4181

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Thuốc chỉ chứa 01 thành phần dược chất XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM8)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	Thuốc chỉ chứa 01 thành phần dược chất XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM8)Thuốc chỉ chứa 01 thành phần dược chất XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM8)		09/2024/TT-BYT-DM	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 3004.50 có 5 dòng thuế; dòng 3004.50.10 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại phù hợp cho trẻ em, dạng xirô.	3004.50.21 Dạng uống (*); 3004.50.29 Loại khác; 3004.50.91 Chứa vitamin A, B hoặc C; 3004.50.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “5/8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 3004.50.10. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 3004.50.10 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N4610), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
Thuốc chỉ chứa 01 thành phần dược chất XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM8)
Thuốc chỉ chứa 01 thành phần dược chất XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM8)Thuốc chỉ chứa 01 thành phần dược chất XK, NK (09/2024/TT-BYT-DM8)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.